TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 18-4-2018
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Xuân Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Phi;

2. Bà Nguyễn Thị Thu Thu.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Phạm Ngọc Tuyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Quang Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 626/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2017 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2018/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đặng Thị H, sinh năm 1968; hộ khẩu thường trú: Ấp C, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương. Chỗ ở hiện nay: Ấp C1, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương.

2. Bị đơn: Ông Lê Văn H1, sinh năm 1964; hộ khẩu thường trú: Ấp C, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa. Bị đơn vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn xin ly hôn ngày 31/8/2017, bản tự khai ngày 31/8/2017, biên bản hòa giải ngày 16/3/2018 và 23/3/2018 và lời trình bày tại phiên tòa của nguyên đơn (bà Đặng Thị H) thể hiện:***

Bà H và ông H1 chung sống với nhau năm 1988, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Sông Bé (nay là huyện D, tỉnh Bình Dương) vào ngày 25/6/1996.

Quá trình chung sống hai vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn nhau, bất đồng quan điểm sống, đời sống chung vợ chồng không có hạnh phúc, từ năm 2016 đến nay bà H và ông H1 không còn sống chung nên bà H quyết định làm đơn ly hôn với ông H1.

- Về con chung: Quá trình chung sống có 02 con chung tên Lê Thị Ngọc T, sinh năm 1989 và Lê Thanh H2, sinh năm 1991. Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra nguyên đơn không có yêu cầu, tranh chấp gì khác.

**** Về phía bị đơn (ông Lê Văn H1):*** Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự để bị đơn ông H1 tham gia giải quyết vụ án nhưng bị đơn cố tình vắng mặt không có lý do. Tòa án không thu thập được ý kiến của bị đơn. Quá trình xác minh, bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp C, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương và vẫn đang sinh sống tại địa phương.

**** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa:*** Quan hệ pháp luật của vụ án là "Ly hôn". Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng trình tự thủ tục, người tham gia tố tụng đúng thành phần. Phiên tòa được tiến hành đúng trình tự. Tại phiên tòa, phía bị đơn ông H1 vắng mặt không lý do. Tuy nhiên, trong quá trình tố tụng, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng để bị đơn thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia giải quyết vụ án. Việc vắng mặt của bị đơn là cố tình nên đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn theo Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đặng Thị H đối với ông Lê Văn H1; Con chung: Các con đã trưởng thành nên không xem xét; tài sản chung, nợ chung không tranh chấp nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn bà H và bị đơn ông H1 chung sống với nhau từ năm 1988, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Sông Bé (nay là huyện D, tỉnh Bình Dương) vào ngày 25/6/1996. Hôn nhân giữa bà H với ông H1 là hợp pháp và được pháp luật thừa nhận. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, luôn bất đồng trong quan

điểm, đời sống chung vợ chồng không có hạnh phúc. Hiện hai vợ chồng không sống chung từ năm 2016 đến nay. Vì vậy, nguyên đơn làm đơn xin ly hôn với bị đơn. Toà án đã tiến hành hoà giải và tạo điều kiện cho hai bên một thời gian để hàn gắn tình cảm, nhưng nguyên đơn kiên quyết ly hôn. Bị đơn không tham gia giải quyết, xét xử mặc dù Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng thủ tục luật định nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Như vậy, có cơ sở xác định ông H1 không quan tâm đến hạnh phúc gia đình, thời gian hai vợ chồng không sống chung từ năm 2016 đến nay hai bên đã không còn mối quan hệ tình cảm gia đình, quan hệ kinh tế, dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Quá trình chung sống có 02 con chung tên Lê Thị Ngọc T, sinh năm 1989 và Lê Thanh H2, sinh năm 1991. Các con đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

[3] Tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào các Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ vào điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đặng Thị H với ông Lê Văn H1.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp nên không xem xét.

4. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Đặng Thị H chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0005841 ngày 05 tháng 10 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 18/4/2018).

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Xuân Nam